



DANH SÁCH SINH VIÊN THI BỔ SUNG - HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025
(TRƯỜNG HỢP CÓ LÝ DO CHÍNH ĐÁNG ĐƯỢC DUYỆT)

STT	Mã SV	Họ	Tên	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
1	2133410007	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	010200074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	
2	2152210060	Nguyễn Thị Tố	Vi	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	
3	2153410101	Tô Ngọc	Huyền	010100111901	Tiếng Anh 3	
4	2155200058	Trần Khả	Văn	010800060401	An toàn sân đỗ	
5	2231720169	Phạm Minh	Thư	010100094104	Ngữ nghĩa học	
6	2252210031	Nguyễn Thảo	Ly	010100094103	Ngữ nghĩa học	
7	2252210031	Nguyễn Thảo	Ly	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	
8	2252210118	Lê Phạm Vũ	Phúc	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	
9	2252210141	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	010100094101	Ngữ nghĩa học	
10	2252210141	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	
11	2252210143	Phạm Anh	Thư	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
12	2252210143	Phạm Anh	Thư	010100052401	Lịch sử Đảng	
13	2252210143	Phạm Anh	Thư	010100094104	Ngữ nghĩa học	
14	2252210143	Phạm Anh	Thư	010100096404	Giao tiếp liên văn hoá	
15	2253410111	Nguyễn Thị Phương	Ngân	010100010714	Nguyên lý kế toán	
16	2253410118	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	010100010714	Nguyên lý kế toán	
17	2255200057	Phạm Văn	Hữu	011100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	
18	2258130049	Trương Lý Bảo	Nhi	011100109501	Tiếng Anh 2	
19	2258130082	Lê Trần Tuyết Thanh	Thanh	011100109501	Tiếng Anh 2	
20	2331310609	Nguyễn Anh	Quốc	010100052410	Lịch sử Đảng	
21	2331310610	H Juin	Ayun	010100011515	Quản trị chiến lược	
22	2331310610	H Juin	Ayun	010100052410	Lịch sử Đảng	
23	2331310610	H Juin	Ayun	010100150205	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay	
24	2331520078	Nguyễn Bá	Phát	011100105402	Kết cấu Hàng không 1	
25	2331530060	Nguyễn Công Quốc	Đạt	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
26	2331530081	Phan Duy	Tân	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
27	2331530082	Vô Tân	Thịnh	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
28	2331540167	Lê Văn	Đức	010100052415	Lịch sử Đảng	
29	2331540333	Đặng Hải	Khương	010100052410	Lịch sử Đảng	

STT	Mã SV	Họ	Tên	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
30	2331710109	Nguyễn Quang	Vinh	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
31	2331710154	Phan Thị Thảo	Vân	011100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	
32	2331720003	Nhâm Sỹ	Thanh	010100093904	Hình vị học	
33	2331720025	Trần Trung	Đạt	010100052405	Lịch sử Đảng	
34	2331720179	Chu Ngọc Yến	Nhi	010100092601	Nghe - Nói 5	
35	2331720356	Lê Thị Phương	Trinh	010100093107	Đọc - Viết 5	
36	2331730039	Nguyễn Thị Hằng	Nga	010100123002	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch - Khách sạn	
37	2331730111	Nguyễn Trúc Thiên	Ân	010100080807	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	
38	2331740072	Đặng Sĩ	Nguyên	010100148002	Bảo hiểm vận tải	
39	2431310009	Phạm Quỳnh Hạnh	Duyên	010100155601	Tourism and Travel Management	
40	2431310077	Nguyễn Ngọc	Hoàng	010100010508	Kinh tế vĩ mô	
41	2431310092	Nguyễn Lê	Vy	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	
42	2431310167	Trần Thị Mẫn	Nghi	010100008305	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
43	2431310453	Vũ Đức	Thiện	010100010514	Kinh tế vĩ mô	
44	2431310453	Vũ Đức	Thiện	010100010709	Nguyên lý kế toán	
45	2431310453	Vũ Đức	Thiện	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin	
46	2431310495	Lê Đăng	Quang	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
47	2431310495	Lê Đăng	Quang	010100010210	Luật kinh tế (Economic Law)	
48	2431310495	Lê Đăng	Quang	010100074738	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	
49	2431310533	Phan Nguyễn Phương	Uyên	010100012304	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	
50	2431320080	Nguyễn Nhật	Nam	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin	
51	2431320126	Nguyễn Thị Yến	Nhi	010100000605	Tâm lý học đại cương	
52	2431320206	Phùng Ngọc Thu	Uyên	010100000602	Tâm lý học đại cương	
53	2431540094	Trần Minh	Long	010100051706	Toán cơ sở	
54	2431540094	Trần Minh	Long	010100096606	Lập trình cơ bản	
55	2431540116	Lâm Bá Gia	Bảo	010100060102	Pháp luật hàng không (Aviation Law)	
56	2431540155	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	010100096603	Lập trình cơ bản	
57	2431540170	Trần Vũ Phương	Thùy	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền - Physical Education - Volley ball	
58	2431720041	Đỗ Ngọc	Khánh	010100093303	Ngữ pháp 2	
59	2431720170	Nguyễn Hoàng	Minh	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
60	2431720416	Hoàng Minh	Ánh	010100093310	Ngữ pháp 2	
61	2431720550	Lê Thị Tú	Quyên	010100091908	Tiếng Việt thực hành	
62	2431730207	Điền Đoàn Nam	Phương	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	
63	2431730391	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
64	2431730416	Bùi Cẩm	Vân	010100008305	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
65	2431740138	Trương Thị Yến	Linh	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	

STT	Mã SV	Họ	Tên	Mã LHP	Tên HP	Ghi chú
66	2431740138	Trương Thị Yến	Linh	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	
67	2431740138	Trương Thị Yến	Linh	010100163302	Quản trị logistics	
68	2431740264	Vũ Ngọc Thảo	Nguyên	010100010513	Kinh tế vĩ mô	
69	2433510071	Nguyễn Đức	Minh	011100051702	Toán cơ sở	
70	2433510071	Nguyễn Đức	Minh	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin	
71	2433520227	Nguyễn Vũ Dương	Đông	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin	
72	2433530069	Hoàng Anh	Tú	010100000301	Pháp luật đại cương	
73	2433530069	Hoàng Anh	Tú	011100008701	Toán chuyên đề	
74	2433530069	Hoàng Anh	Tú	011100088501	Máy điện	
75	2433530069	Hoàng Anh	Tú	011100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	
76	2433550053	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin	
77	2433550119	Đặng Thị Mỹ	Dung	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	
78	2433710172	Trần Hồ Minh	An	011100002401	Hình họa & vẽ kỹ thuật	
79	2433710172	Trần Hồ Minh	An	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay	

Danh sách gồm có: 79 sinh viên

Lập danh sách



Dương Gia Bảo

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 06 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Thiện Lưu